

BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 01/2026



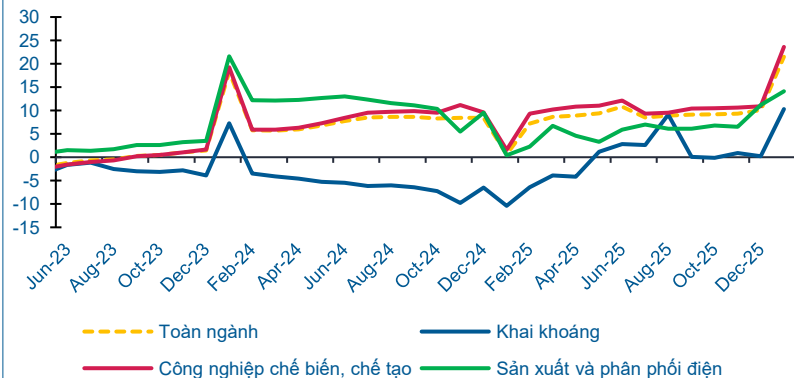
1900 588 866



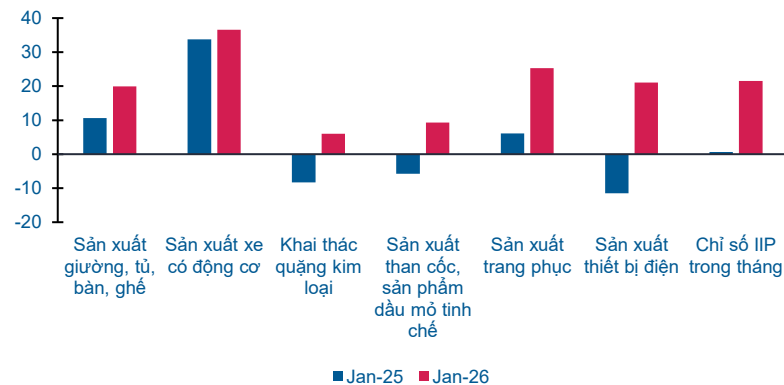
www.vbse.vn

- Trong tháng 01/2026, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tính tăng 21,5% so với cùng kỳ, tiếp tục duy trì đà phục hồi của khu vực công nghiệp, trong đó ngành chế biến – chế tạo tăng khoảng 23,6%, đóng vai trò động lực chính cho tăng trưởng toàn ngành.
- Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 01/2026 đạt 52,5 điểm, giảm nhẹ so với mức 53 điểm của tháng trước nhưng vẫn duy trì trên ngưỡng 50 điểm tháng thứ tư liên tiếp. Điều này phản ánh khu vực sản xuất tiếp tục mở rộng, với đơn hàng mới và sản lượng tăng, dù tốc độ cải thiện có phần thận trọng hơn do áp lực chi phí và biến động nhu cầu toàn cầu.

Biểu đồ 1: Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP (ytd,%yoy)

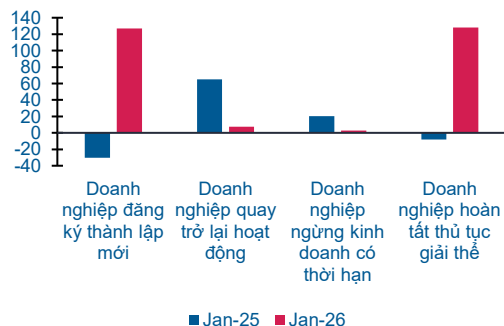


Biểu đồ 2: Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP, phân loại theo ngành công nghiệp

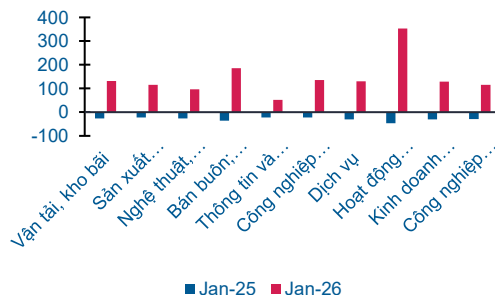


- Tháng 01/2026, cả nước có 48,7 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 45,6% so với cùng kỳ, là mức cao nhất của tháng Một trong nhiều năm gần đây. Điều này cho thấy niềm tin kinh doanh tiếp tục cải thiện trong bối cảnh môi trường vĩ mô ổn định và hoạt động sản xuất – thương mại khởi sắc đầu năm.
- Tổng vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong tháng 01/2026 đạt khoảng 709,4 nghìn tỷ đồng, tăng mạnh so với cùng kỳ, cho thấy doanh nghiệp không chỉ quay lại hoạt động mà còn mở rộng đầu tư, tăng quy mô sản xuất - kinh doanh ngay từ đầu năm.
- Số doanh nghiệp gia nhập cao hơn đáng kể so với số rút lui tiếp tục khẳng định sức sống mới của khu vực tư nhân trong bối cảnh môi trường kinh doanh dần cải thiện. Tuy nhiên, đà phục hồi vẫn chịu thách thức từ áp lực chi phí đầu vào, lãi suất và khả năng tiếp cận tín dụng, đặc biệt với doanh nghiệp SME.

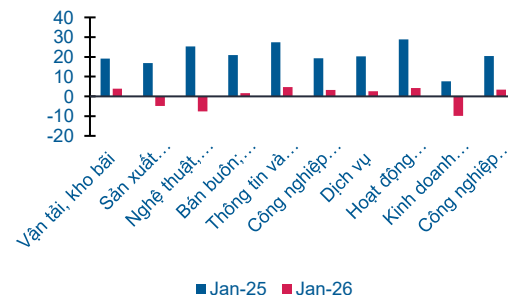
Biểu đồ 3: Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới (%)



Biểu đồ 4: Biến động số doanh nghiệp đăng ký mới theo nhóm ngành (%)

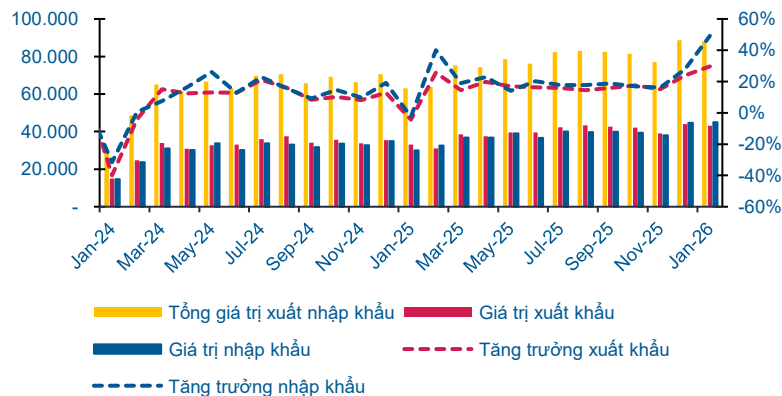


Biểu đồ 5: Biến động số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn (%)

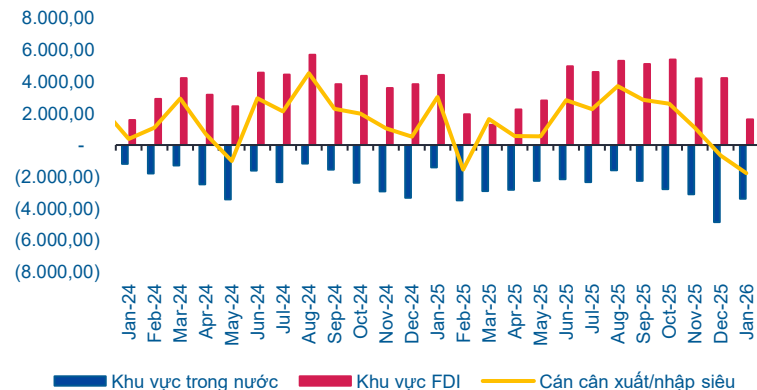


- Tháng 01/2026, tổng kim ngạch xuất – nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt khoảng 88,16 tỷ USD, tăng 39% so với cùng kỳ. Trong đó, xuất khẩu đạt 43,19 tỷ USD (tăng 29,7%), nhập khẩu đạt 44,97 tỷ USD (tăng 49,2%). Cán cân thương mại hàng hóa cả nước nhập siêu 1,8 tỷ USD.
- Tổng kim ngạch tăng gần 39% cho thấy hoạt động thương mại phục hồi mạnh ngay từ đầu năm, phản ánh sự cải thiện của cầu bên ngoài và chu kỳ sản xuất trong nước. Tuy nhiên, việc nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu khiến cán cân thương mại chuyển sang nhập siêu, chủ yếu do nhu cầu nhập khẩu máy móc, nguyên vật liệu gia tăng để phục vụ sản xuất. Nếu xu hướng này tiếp diễn và chuyển hóa thành tăng trưởng xuất khẩu trong các tháng tới, đây sẽ là tín hiệu tích cực cho tăng trưởng GDP Q1/2026.

Biểu đồ 6: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu và tốc độ tăng trưởng trong nước

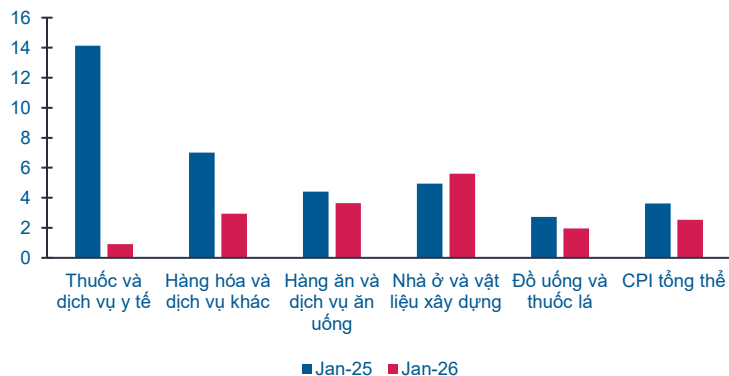


Biểu đồ 7: Giá trị xuất nhập khẩu khu vực trong nước và khu vực FDI (triệu USD)

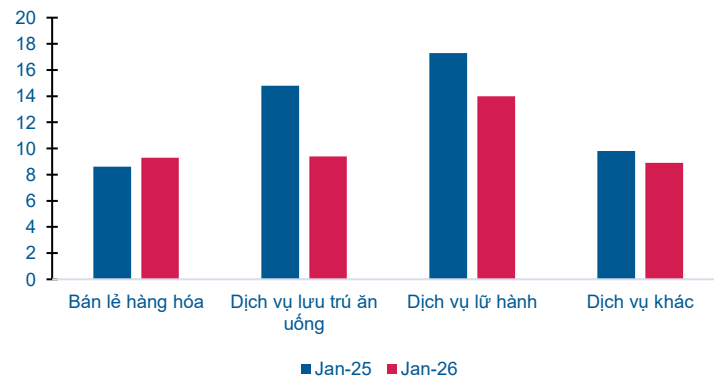


- Trong tháng 01/2026, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 2,53% so với cùng kỳ năm trước, trong khi lạm phát cơ bản tăng 3,19%. Việc lạm phát cơ bản cao hơn CPI cho thấy áp lực giá đến từ nhóm hàng hóa và dịch vụ cốt lõi vẫn còn hiện hữu, trong khi một số yếu tố như giá năng lượng hoặc thực phẩm giúp kìm hãm CPI chung.
- Cùng kỳ, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tiếp tục duy trì đà tăng, ước đạt 632,4 nghìn tỷ đồng, tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh sức cầu nội địa tương đối ổn định trong bối cảnh mặt bằng giá chưa tạo áp lực lớn lên tiêu dùng.
- Nhìn chung, lạm phát vẫn nằm trong vùng kiểm soát, song diễn biến lạm phát cơ bản cao hơn CPI chung cho thấy chính sách tiền tệ vẫn cần duy trì sự thận trọng trong các tháng tới..

Biểu đồ 8: Chỉ số giá tiêu dùng CPI, so với cùng kỳ năm trước

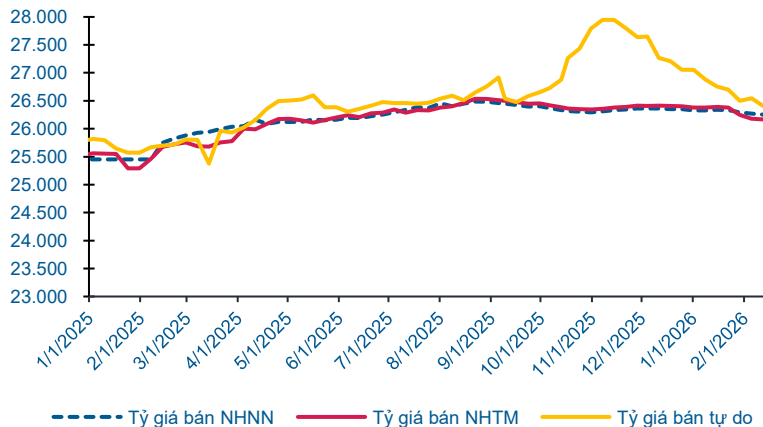


Biểu đồ 9: Tăng trưởng tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

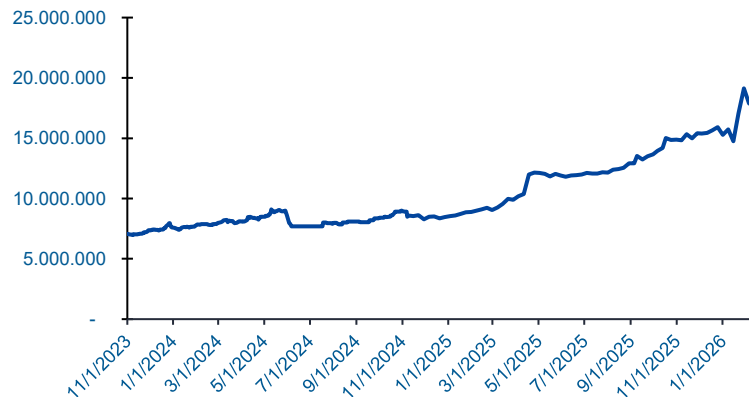


- Tính đến ngày 12/02/2026, tỷ giá trung tâm được công bố ở mức 25.050 VND/USD. Hiện tỷ giá USD các ngân hàng thương mại (NHTM) được phép giao dịch trong biên độ từ 25.800 - 26.180 VND/USD. So với cùng kỳ, việc VND mất giá khoảng 4 - 6% trong một năm là mức điều chỉnh tương đối lớn, có thể tạo áp lực lên lạm phát nhập khẩu và dòng vốn ngoại.
- Giá vàng thế giới tiếp tục xu hướng tăng mạnh và tạo đỉnh lịch sử mới tại 5.056 USD/ounce vào ngày 12/02/2025, ghi nhận mức tăng kỷ lục 74% so cùng kỳ năm trước. Đà tăng được hỗ trợ bởi nhu cầu trú ẩn an toàn trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị tiếp diễn, đồng USD suy yếu và lo ngại lạm phát tại Mỹ. Ở trong nước, giá vàng SJC cũng đang tiệm cận ở vùng giá 178 – 181 triệu đồng, nằm ở mức cao nhất trong nhiều năm trở lại đây.

Biểu đồ 10: Biến động tỷ giá USD/VND

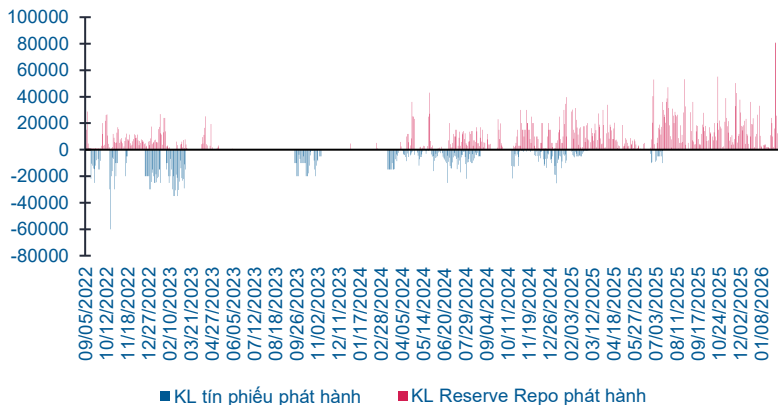


Biểu đồ 11: Biến động tỷ giá vàng SJC bán ra ở Hà Nội

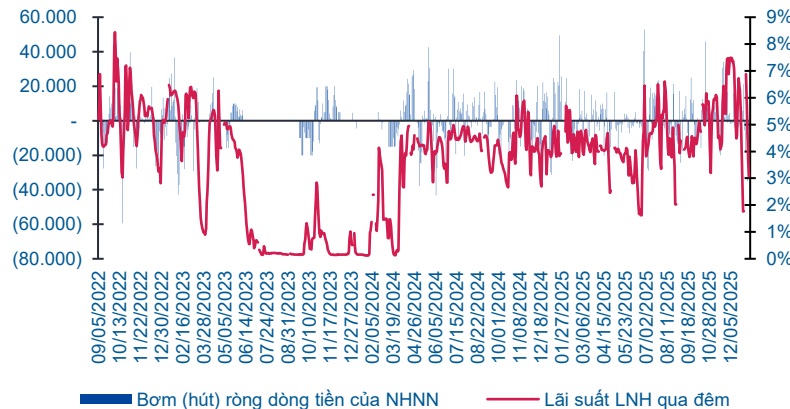


- Lãi suất liên ngân hàng có sự phân hóa rõ rệt so với tháng trước. Cụ thể, lãi suất qua đêm (ON) tăng mạnh nhất, cao hơn 332 đcb; các kỳ hạn 6M và 9M cũng tăng thêm từ 35 - 80 đcb. Ở chiều ngược lại, lãi suất 1M giảm nhẹ 14 đcb, trong khi các kỳ hạn còn lại giảm từ 123 - 272 đcb so với cuối tháng 12.
- Nghiệp vụ thị trường mở: NHNN tiếp tục không phát hành tín phiếu, tuy nhiên vẫn duy trì mua GTCG ở hầu hết các kỳ hạn trên kênh OMO xuyên suốt tháng với tổng giá trị gần 155 nghìn tỷ đồng.

Biểu đồ 12 - Khối lượng tín phiếu phát hành và reserve repo



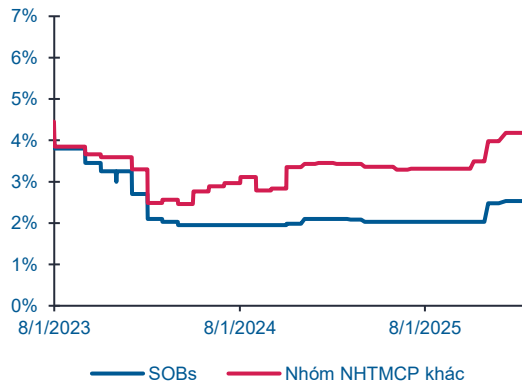
Biểu đồ 13 - Lãi suất liên ngân hàng qua đêm và cung tiền ròng từ NHNN



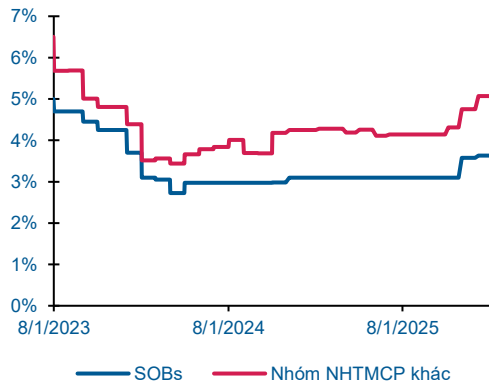
LÃI SUẤT OMO DUY TRÌ Ở 4,5%

- Tháng 12/2025, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam đã bất ngờ tăng lãi suất cho vay cầm cố giấy tờ có giá (OMO) lên 4,5%/năm từ mức 4% trước đó, sau hơn 14 tháng giữ nguyên, nhằm đáp ứng nhu cầu thanh khoản của các ngân hàng khi lãi suất liên ngân hàng tăng cao và áp lực tỷ giá gia tăng, thể hiện sự điều chỉnh chính sách tiền tệ để hỗ trợ hệ thống tài chính.
- Mặt bằng lãi tiền gửi các kỳ hạn ghi nhận xu hướng tăng đáng kể trong thời gian vừa qua. Cụ thể: (1) Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng của 4 ngân hàng quốc doanh là 3,46%, của các NHTM khác là 4,86%; (2) Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 6-9 tháng của các NHTM là 3,89% - 4,75%; (3) Lãi suất tiền gửi kỳ hạn từ 12 tháng của các NHTM là khoảng 7% - 8%.

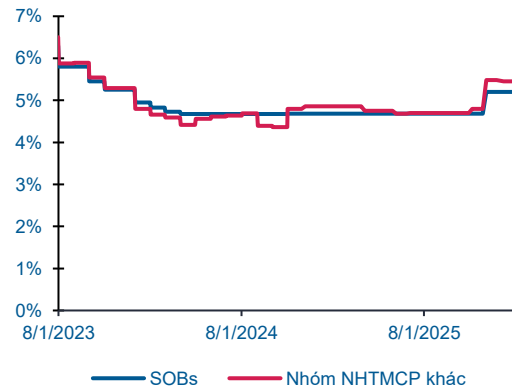
Biểu đồ 14: Lãi suất huy động VNĐ kỳ hạn từ 3 đến < 6 tháng



Biểu đồ 15: Lãi suất huy động VNĐ kỳ hạn từ 6 đến 9 tháng

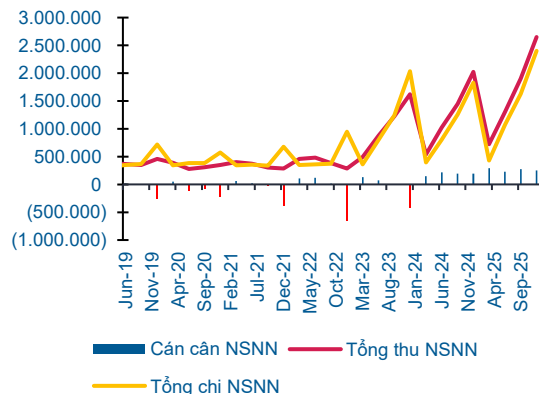


Biểu đồ 16: Lãi suất huy động VNĐ kỳ hạn từ 12 tháng

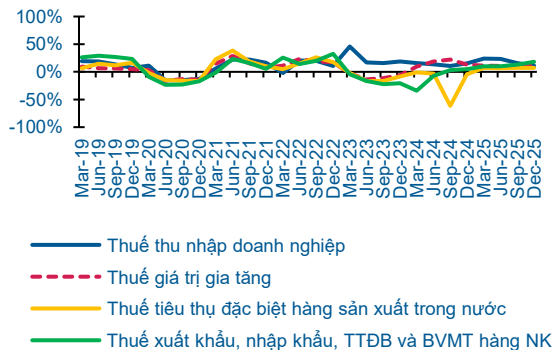


- Tổng thu ngân sách Nhà nước tháng 01/2026 ước đạt khoảng 370,7 nghìn tỷ đồng, bằng 14,7% dự toán năm và tăng 20,4% so với cùng kỳ. Trong khi đó, tổng chi ngân sách Nhà nước tháng 01/2026 ước đạt 163,0 nghìn tỷ đồng, bằng 5,2% dự toán năm và tăng 6,4% so với cùng kỳ.
- Thu ngân sách tăng mạnh cho thấy thu nội địa và hoạt động xuất – nhập khẩu diễn biến tích cực ngay từ đầu năm, góp phần bù đắp các nghĩa vụ chi cho hoạt động của bộ máy và các chính sách an sinh. Chi ngân sách tăng trưởng thấp hơn thu, phản ánh tính mùa vụ chi tiêu đầu năm, đặc biệt chi đầu tư phát triển tuy tăng nhẹ nhưng vẫn triển khai theo tiến độ kế hoạch.

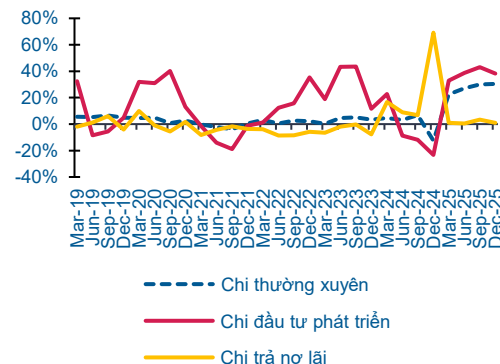
Biểu đồ 17 - Cân đối thu chi NSNN



Biểu đồ 18 - Tăng trưởng các khoản thu chính

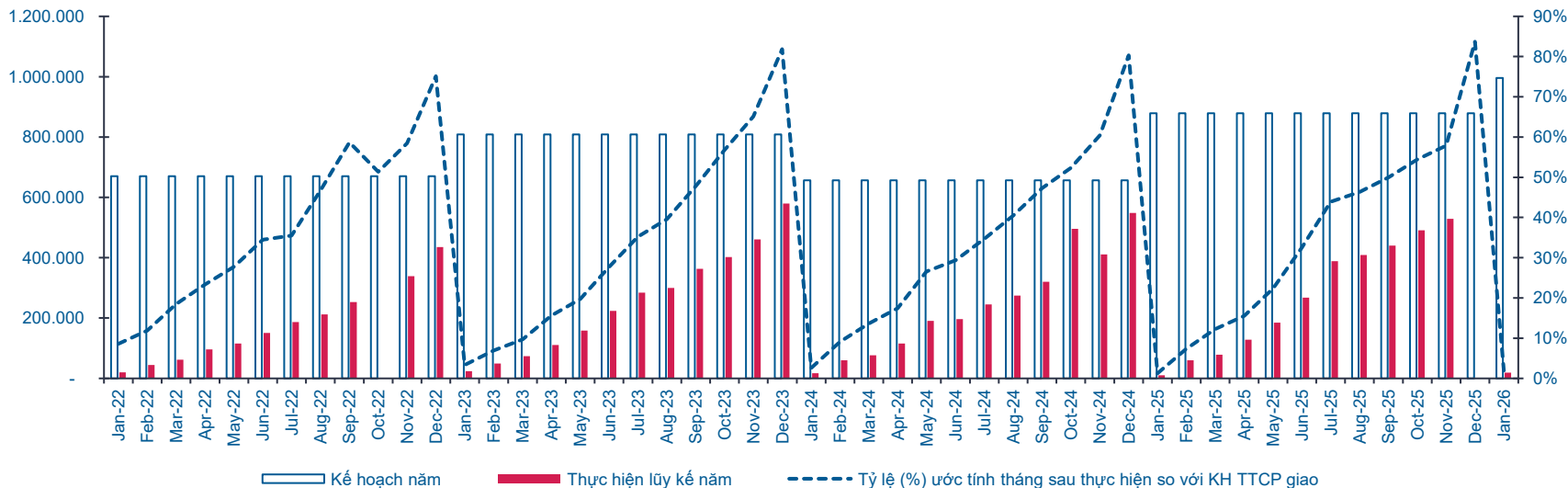


Biểu đồ 19 - Tăng trưởng các khoản chi chính



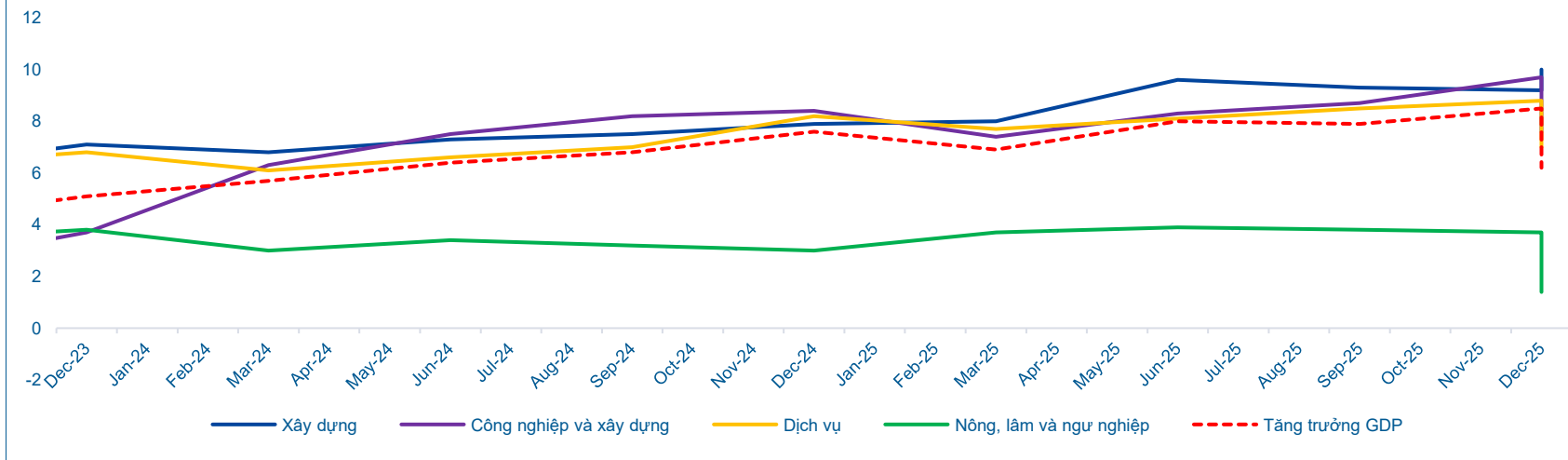
- Theo Tổng cục Thống kê, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 01/2026 ước đạt khoảng 35,4 nghìn tỷ đồng, bằng 5,0% kế hoạch năm và tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước.
- Kết quả này cho thấy đầu tư công tiếp tục được triển khai ngay từ đầu năm, dù tiến độ vẫn mang tính mùa vụ do đặc điểm phân bổ kế hoạch và thủ tục đầu năm ngân sách. Việc duy trì đà tăng giải ngân so với cùng kỳ tạo nền tảng hỗ trợ nhóm ngành xây dựng – hạ tầng và góp phần củng cố động lực tăng trưởng trong các quý tiếp theo.

Biểu đồ 20 - Tình hình giải ngân vốn đầu tư công giai đoạn 2022 - tháng 1 năm 2026



- Theo Tổng cục Thống kê (GSO), GDP Việt Nam năm 2025 tăng 8,02% so với cùng kỳ năm trước, tiệm cận mục tiêu tăng trưởng 8 – 8,5% mà Chính phủ đề ra. Đà tăng trưởng được duy trì ổn định qua các quý, phản ánh sự phục hồi bền vững của nền kinh tế.
- Kết quả này được hỗ trợ bởi sản xuất công nghiệp và chế biến – chế tạo tăng trưởng tích cực, xuất khẩu duy trì đà tăng, FDI giải ngân đạt mức cao kỷ lục, cùng với tiêu dùng nội địa cải thiện rõ rệt. Tăng trưởng GDP năm 2025 cho thấy nền kinh tế đã bước vào giai đoạn phục hồi chắc chắn hơn, tạo nền tảng thuận lợi cho điều hành chính sách vĩ mô và tăng trưởng trung hạn.

Biểu đồ 21: Tăng trưởng lũy kế GDP và các khu vực kinh tế, giai đoạn 2016 – 2025 (đơn vị: %)



- Nội dung bản tin này do Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (Vietinbank Securities) cung cấp, chỉ mang tính chất tham khảo. Mặc dù mọi thông tin đều được thu thập từ những nguồn, tờ báo đáng tin cậy, nhưng Vietinbank Securities không đảm bảo được tuyệt đối được độ chính xác của thông tin hay bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc sử dụng bản tin này.
- Các ý kiến tổng hợp, dự báo chỉ thể hiện quan điểm của tác giả tại thời điểm phát hành, báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo chứ không mang tính chất mời chào, mua bán, nắm giữ bất cứ cổ phiếu nào. Báo cáo này là tài sản của Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (Vietinbank Securities).
- Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như phân phối báo cáo này vì bất cứ mục đích cá nhân hay thương mại nào nếu không có sự đồng ý của Vietinbank Securities.

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

